

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 02/01/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	966,67	102,99
Thay đổi (%)	0,59%	0,46%
KLGD (triệu CP)	200,60	24,34
GTGD (tỷ VND)	3.571,70	253,79
Số CP tăng giá	202	67
Số Cp đứng giá	40	47
Số Cp giảm giá	148	68

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,32	1,01
PE (lần)	15,70	9,06
Hệ số Beta	1,01	0,74
ROE (%)	17,47%	15,35%
ROA (%)	8,11%	5,59%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	69,08	4,71
GTGD (tỷ VNĐ)	1.326,24	62,90

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	163,99	1,43
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-195,24	-1,53
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-31,25	-0,10
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-31,35	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	886,88	7,82
VN30F1910	886,3	10,0
VN30F1911	887,1	10,7
VN30F1912	895,0	11,5
VN30F2003	895,2	5,9

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	28.462,14	0,00%
S&P 500 *	3.221,29	0,00%
DAX *	13.249,01	0,00%
FTSE 100 *	7.587,05	0,00%
Nikkei 225	23.656,62	0,00%
Hang Seng	28.543,52	1,25%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Tương bừng ngày đầu năm, Vn-Index tăng gần 7 điểm!

Diễn biến thị trường:

Phiên giao dịch ngày 2/1, cũng là phiên giao dịch đầu tiên của năm 2020 đã diễn biến vô cùng tích cực. Sau những phút đầu giao dịch giằng co, chỉ số Vn-Index đã bật tăng mạnh mẽ và duy trì được sắc xanh trong suốt phiên giao dịch. Động lực tăng điểm của thị trường tới từ các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng, cụ thể cổ phiếu CTG tăng 2,9% lên 21.500 đồng, VPB tăng 2,8%, MBB tăng 1,9%, BID tăng 1,6%, TCB tăng 1,1%, VCB tăng 0,7%... Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu Bluechips khác như VNM, GAS, VJC, VRE, MSN, VHM,... cũng đồng loạt tăng điểm khá ấn tượng, giúp chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức cao nhất ngày.

Những diễn biến tích cực từ nhóm cổ phiếu Bluechips và ngân hàng đã lan tỏa tới toàn thị trường, giúp sắc xanh chiếm lĩnh ở hầu hết cổ phiếu và nhóm ngành. Các nhóm ngành mang tính thị trường như chứng khoán (SSI, HCM, SHS, MBS) hay dầu khí (GAS, PLX, PVS) thu hút dòng tiền và tăng khá tốt. Nhưng điểm nhấn đáng chú ý của phiên hôm nay là nhóm cổ phiếu thuộc nhóm ngành xây dựng/vật liệu xây dựng, khi các mã đầu ngành như HBC, CTD, HPG, HPG, HSG đồng loạt sở hữu những mức tăng vô cùng ấn tượng, thậm chí HBC còn tăng trần. Còn ở nhóm các cổ phiếu "nóng", ROS tiếp tục giảm sàn phiên thứ 4 liên tiếp xuống chỉ còn 16.100 đồng/CP, dù đã khớp lệnh tới hơn 20 triệu đơn vị. Trong khi đó, các mã đầu cơ khác như GAB, FTM, HAI, HKB, TNA,... vẫn tăng điểm rất mạnh. Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL đều tăng điểm, mặc dù vậy HĐTL F2001 vẫn đóng cửa với basis âm 0,58 điểm cho thấy phản ứng của giới đầu tư vẫn chưa quá lạc quan.

Thị trường tăng mạnh trong phiên giao dịch đầu năm, mặc dù vậy giao dịch khối ngoại diễn ra không thực sự tích cực khi họ bán ròng 31 tỷ đồng trên toàn thị trường. Lực bán tập trung vào HDB (40,33 tỷ đồng), VIC (15 tỷ đồng), BID (8,5 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, VRE là cổ phiếu được khối ngoại mua ròng mạnh nhất với giá trị 13,8 tỷ đồng.

Diễn biến CP CSI:

Trong phiên hôm nay bên bán và bên mua vẫn chưa đạt được mức giá chung, khiến cho cổ phiếu CSI không xuất hiện giao dịch nào. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 13.200 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên giao dịch đầu tiên của năm 2020 diễn ra khá tích cực, với sắc xanh đồng thời hiện diện ở cả hai sàn HOSE và HNX. Dù vậy thanh khoản trong phiên hôm nay chưa có sự cải thiện so với phiên trước đó, và giá trị giao dịch chỉ đạt khoảng 2.400 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giao dịch thỏa thuận), cho thấy tâm lý của giới đầu tư vẫn còn tương đối thận trọng. Dù chỉ số Vn-Index đã tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay, nhưng chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính tới từ "hiệu ứng tâm lý năm mới", trong khi dòng tiền lớn vẫn đang đứng ngoài. Vì vậy, thị trường cần phải có một phiên bùng nổ để có thể xác nhận xu hướng tăng điểm rõ ràng hơn. Trước những diễn biến đó, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục duy trì vị thế quan sát, và chờ đợi cơ hội để giải ngân. Những nhà đầu tư theo trường phái lướt sóng có thể cân nhắc mua thăm dò ở một số cổ phiếu cho tín hiệu mua, ưu tiên các mã có trong danh mục khuyến nghị của chúng tôi.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TRUNG TÍNH	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TRUNG TÍNH	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TRUNG TÍNH	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TRUNG TÍNH	Trend Trung hạn	TÍCH LŨY

Kết luận: Luân phiên nhau phiên tăng, phiên giảm với thanh khoản ở vùng thấp đang cho thấy xu hướng của thị trường nghiêng hẳn về tích lũy và đi ngang trong biên độ hẹp. Điểm tích cực hôm nay là chỉ số Vn-index đã đóng cửa ở mức cao nhất ngày và cắt lên cả 2 đường trung bình MA7 & MA18, tuy nhiên thanh khoản là điểm trừ khi sụt giảm và duy trì ở mức thấp.

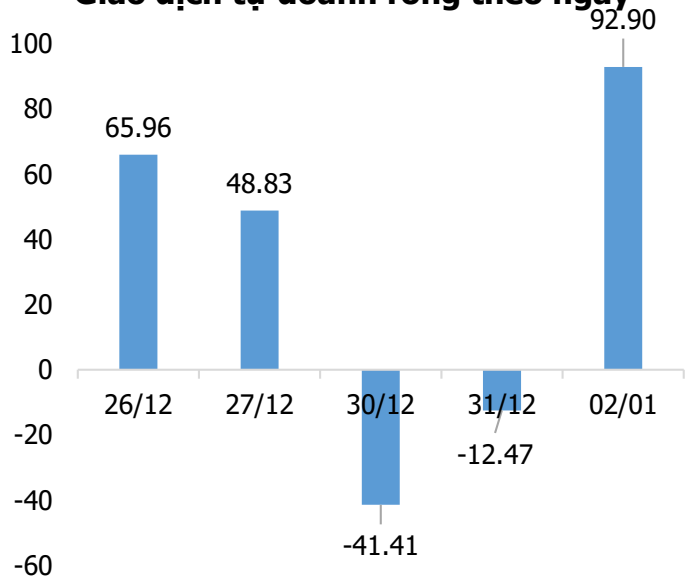
Dòng tiền lớn dường như vẫn đứng ngoài quan sát và chưa chịu hành động, có lẽ một phần vì đang chờ xuất hiện một phiên bùng nổ xác định xu hướng để nương theo. Vì vậy, đây chưa phải thời điểm an toàn chúng ta chưa thể mở nhiều vị thế mua, thay vào đó có thể tiếp tục duy trì vị thế quan sát là chủ đạo. Tuy nhiên, cũng có nhiều mã CP đã xuất hiện những tín hiệu tích cực cho thấy dòng tiền cơ hội đang len lỏi tìm vào, nên có thể dùng một phần vốn nhỏ mở các điểm mau thăm dò ở những mã CP đó.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

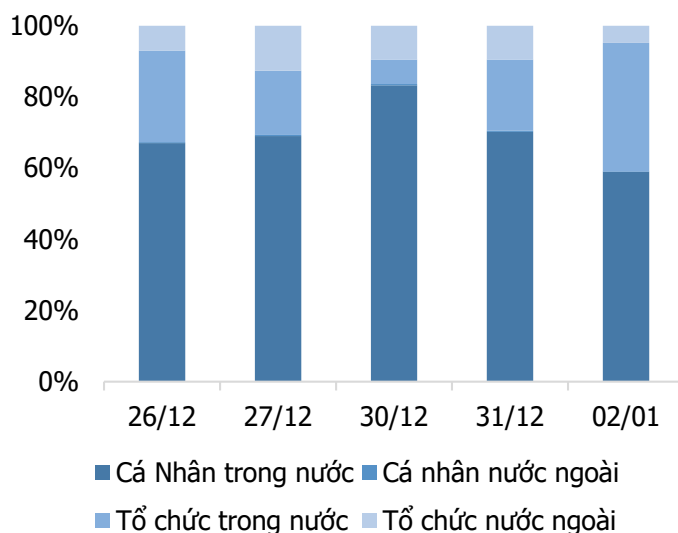
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



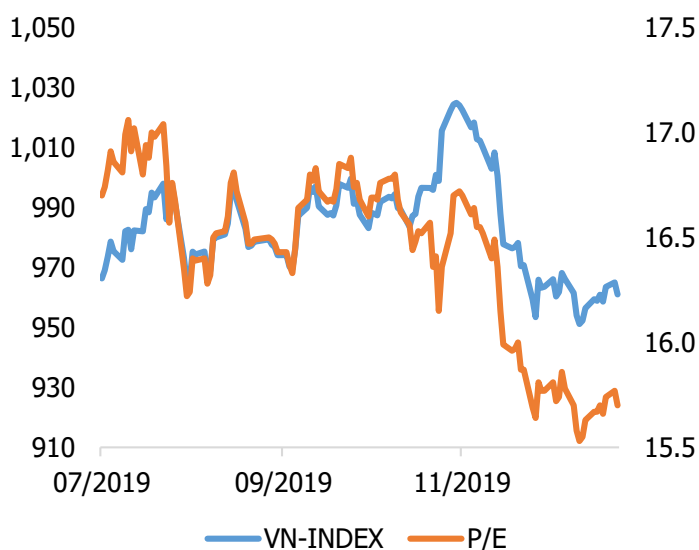
Giao dịch theo NĐT



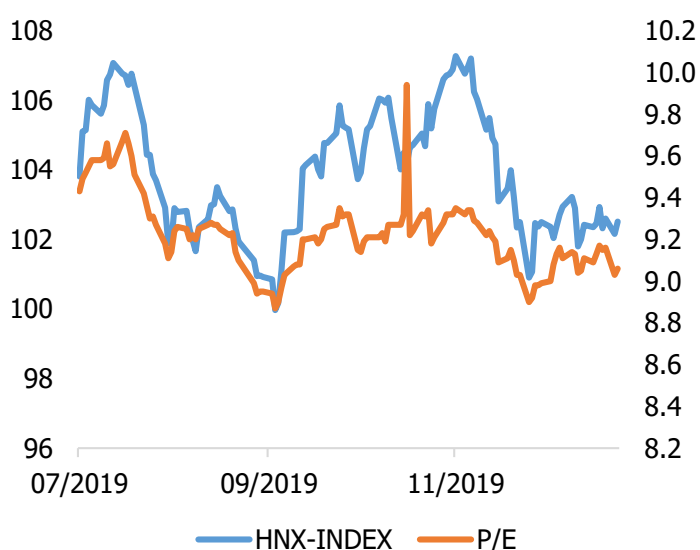
Vn-index - P/E lịch sử

Hn-index - P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



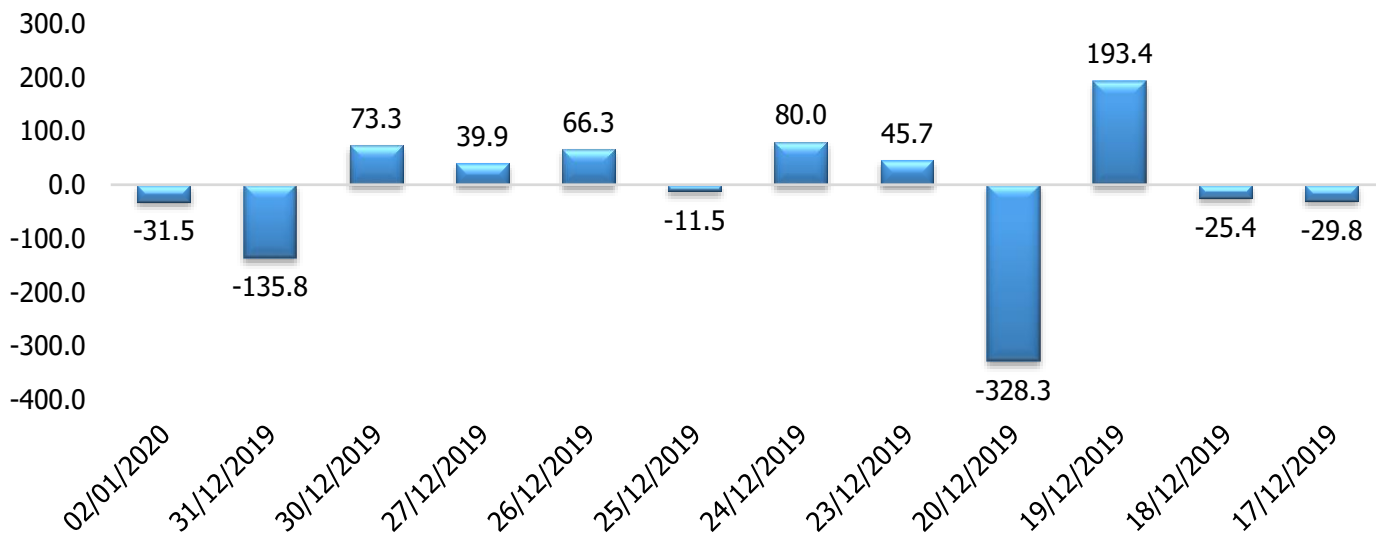
HNXIndex - P/E lịch sử



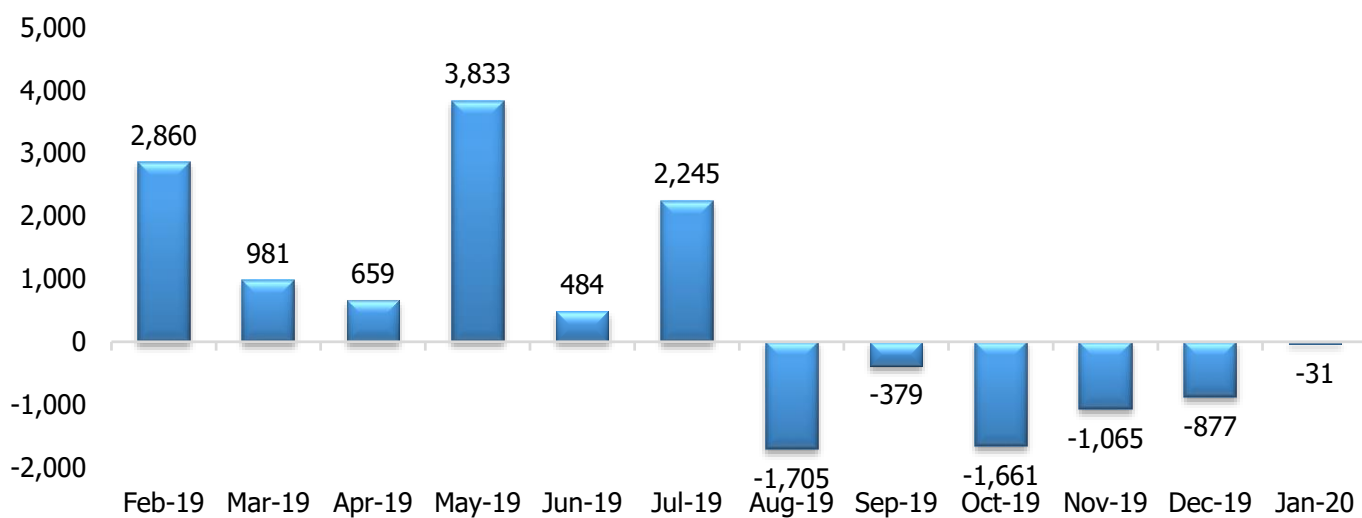
(Nguồn: Finpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

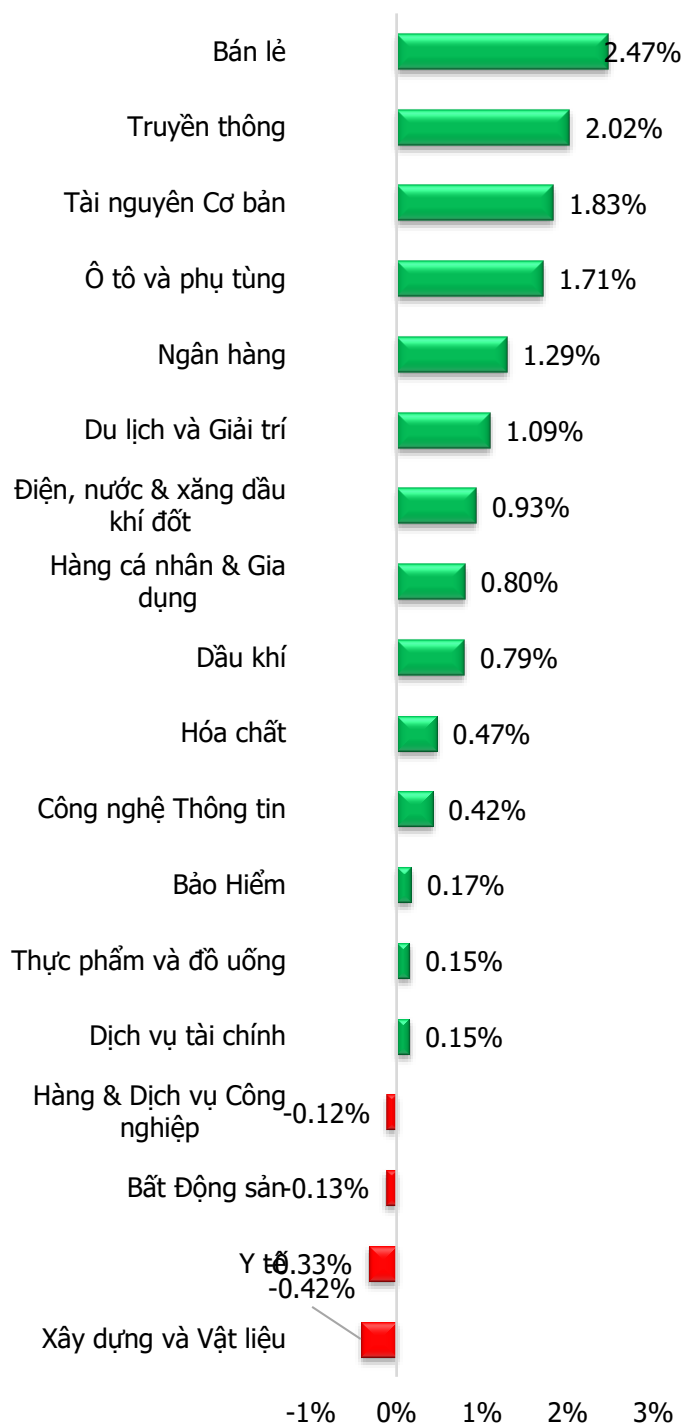
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	13.83	HDB	40.33
E1VFN30	7.48	VIC	14.99
MSN	6.67	BID	8.55
VNM	6.11	VCB	4.68
GEG	4.82	NVL	4.23

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

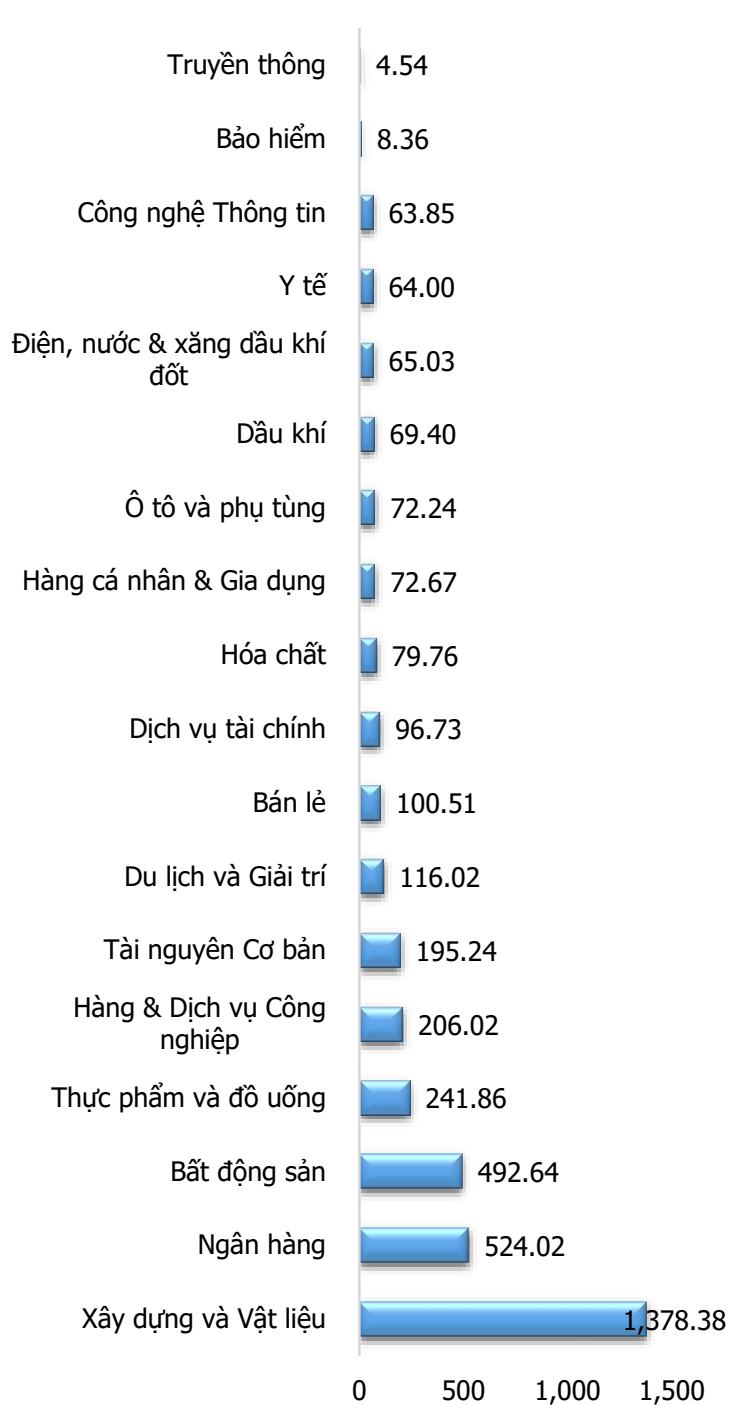
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	0.41	HUT	0.36
HAD	0.15	TIG	0.30
LAS	0.13	NTP	0.29
SHS	0.11	SRA	0.27
HAD	0.11	MST	0.13

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CTD	52.6	58.4	47.9	52.80	52.10					Chờ khớp
	DBC	24.9	27.7	22.7	25.00	24.70					Chờ khớp
	NKG	7.2	8.0	6.6	7.38	7.13					Chờ khớp
	VPB	20.4	22.6	18.6	20.60	20.20					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	ITC	16.9	18.7	15.4	17.10	16.70		1/2/2019		2.4%	Năm giữ
	REE	36.7	40.7	33.4	36.95	36.30		12/31/2019		1.8%	Năm giữ
	BCE	6.9	7.7	6.3	6.89	6.88		12/26/2019		0.1%	Năm giữ
	HDC	24.1	26.8	22.0	24.50	23.90		12/30/2019		2.5%	Năm giữ
	VIC	115.1	127.7	104.9	115.00	114.00		12/26/2019		0.9%	Năm giữ
	VSC	26.1	28.9	23.7	27.40	25.80		12/19/2019		6.2%	Năm giữ
	VEA	48.8	54.1	44.4	45.50	48.30		12/18/2019		3.9%	Năm giữ
	FLC	4.7	5.3	4.3	4.72	4.70		12/17/2019		0.4%	Năm giữ
	C4G	6.1	6.7	5.5	6.10	6.00		12/16/2019		1.7%	Năm giữ
	DXG	14.5	16.1	13.2	14.30	14.40		12/13/2019		-0.7%	Năm giữ
	DPM	13.2	14.7	12.1	12.95	13.10		12/10/2019		-1.1%	Năm giữ
	VPB	19.6	21.7	17.8	20.55	19.40		12/5/2019		5.9%	Năm giữ
	TGG	1.9	2.1	1.7	1.83	1.85		12/4/2019		-1.1%	Năm giữ
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.70	16.9		11/6/2019		4.7%	Năm giữ
DHG	94.9	105.3	86.5	92.00	94.00		9/5/2019		-2.1%	Năm giữ	
DP3	64.6	71.7	58.9	69.00	64.00		8/5/2019		7.8%	Năm giữ	
Danh Mục Đã Bán	TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	9/23/2019	12/26/2019	66.8%	Đã bán
	KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	9/26/2019	12/19/2019	3.5%	Đã bán
	SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	10/21/2019	12/3/2019	1.6%	Đã bán
	GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	12/16/2019	12/27/2019	1.3%	Đã bán
	NCT	71.2	79.0	64.9	69.50	70.50	70.00	12/13/2019	12/26/2019	-0.7%	Đã bán
	NTL	23.2	25.8	21.2	22.25	23.00	22.9	11/28/2019	12/3/2019	-0.4%	Đã bán
	HUT	2.5	2.8	2.3	2.40	2.50	2.30	12/18/2019	12/30/2019	-8.0%	Đã bán
	C69	9.6	10.6	8.7	8.60	9.50	8.70	12/24/2019	12/30/2019	-8.4%	Đã bán
	SMB	42.6	47.3	38.8	38.50	42.2	38.5	11/19/2019	12/18/2019	-0.2%	Đã bán
	HAX	18.0	19.9	16.4	16.85	17.80	16.90	12/11/2019	12/25/2019	-5.1%	Đã bán
	TDH	10.1	11.2	9.2	9.80	10.00	9.80	12/10/2019	12/24/2019	-2.0%	Đã bán
	CRE	25.3	28.0	23.0	23.85	25.0	23.8	10/16/2019	12/17/2019	-4.8%	Đã bán
	MBB	22.1	24.5	20.1	21.45	21.90	21.40	12/5/2019	12/10/2019	-2.3%	Đã bán
	SJS	16.9	18.7	15.4	16.10	16.7	16.2	11/22/2019	12/3/2019	-3.0%	Đã bán
	SZC	18.0	19.9	16.4	16.50	17.8	16.4	11/22/2019	12/3/2019	-7.9%	Đã bán
	KDF	32.5	36.1	29.6	32.00	32.2	31.4	10/14/2019	12/3/2019	-2.5%	Đã bán
	PWA	11.7	13.0	10.7	10.80	11.6	10.8	11/22/2019	12/2/2019	-6.9%	Đã bán
SZL	49.0	54.3	44.6	46.35	48.5	44.6	11/22/2019	12/2/2019	-8.0%	Đã bán	
BDB	44.4	49.3	40.5	54.20	44.00	55.0	7/2/2019	10/7/2019	25.0%	Đã bán	

PME	48.4	53.6	44.1	53.00	47.90	54.3	7/30/2019	10/4/2019	13.4%	Đã bán
CVT	20.4	22.6	18.6	22.50	20.20	22.5	8/15/2019	10/8/2019	11.4%	Đã bán
TCB	21.7	24.1	19.8	23.15	21.50	23.5	8/19/2019	10/8/2019	9.3%	Đã bán
VPB	20.5	22.7	18.7	22.30	20.30	22.3	9/13/2019	10/7/2019	9.9%	Đã bán
DPM	13.5	15.0	12.3	14.10	13.40	14.3	9/30/2019	10/23/2019	6.7%	Đã bán
PTB	70.8	78.5	64.5	73.60	70.10	74.0	10/3/2019	10/30/2019	5.6%	Đã bán
KDC	21.0	23.3	19.1	21.6	20.8	21.8	10/11/2019	10/22/2019	4.8%	Đã bán
DBC	23.4	26.0	21.3	23.50	23.20	24.0	9/25/2019	10/22/2019	3.4%	Đã bán
BMP	53.1	58.9	48.4	52.60	52.60	53.5	9/19/2019	10/22/2019	1.7%	Đã bán
AAA	15.2	16.8	13.8	15.0	15.0	15.1	10/15/2019	10/22/2019	0.7%	Đã bán
TV2	91.5	101.5	83.4	90.50	90.60	91.0	10/3/2019	10/22/2019	0.4%	Đã bán
BSR	9.4	10.4	8.6	9.70	9.30	9.8	9/3/2019	11/25/2019	5.4%	Đã bán
GTN	19.9	22.1	18.1	19.70	19.70	20.2	9/10/2019	11/25/2019	2.5%	Đã bán
IJC	15.5	17.1	14.1	15.50	15.30	15.5	10/2/2019	11/25/2019	1.3%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TCD	10,700	700	7.00%	40
NKG	7,380	480	6.96%	1,041,740
LEC	16,150	1,050	6.95%	610
PIT	4,040	260	6.88%	5,080
VAF	10,300	660	6.85%	100

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	500	100	25.00%	310,010
HKB	600	100	20.00%	1,900
DST	900	100	12.50%	180,210
VIG	1,100	100	10.00%	73,500
TDT	11,100	1,000	9.90%	210,000

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LMH	7,940	-590	-6.92%	260
ROS	16,100	-1,200	-6.94%	20,432,930
RDP	7,490	-560	-6.96%	1,370
SSC	56,100	-4,200	-6.97%	280
LM8	20,000	-1,500	-6.98%	30

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SAF	50,500	-5,600	-9.98%	200
HTP	9,900	-1,100	-10.00%	3,600
VC1	11,700	-1,300	-10.00%	100
CJC	18,900	-2,100	-10.00%	100
NHP	400	-100	-20.00%	10,800

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CTG	21,500	600	2.87%	4,347,610
HBC	11,400	700	6.54%	4,331,570
KBC	15,200	-250	-1.62%	3,144,560
STB	10,200	150	1.49%	2,914,530
HDB	27,800	250	0.91%	2,142,970

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	6,700	200	3.08%	5,266,138
NVB	9,200	-200	-2.13%	1,933,112
MBG	20,300	-200	-0.98%	821,600
ACM	500	100	25.00%	310,010
TDT	11,100	1,000	9.90%	210,000

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	16,100	-1,200	-6.94%	20,432,930
DLG	2,040	130	6.81%	6,255,170
FLC	4,720	120	2.61%	5,555,680
CTG	21,500	600	2.87%	4,347,610
HBC	11,400	700	6.54%	4,331,570

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	6,700	200	3.08%	5,266,138
NVB	9,200	-200	-2.13%	1,933,112
ART	2,600	200	8.33%	1,699,845
KLF	1,600	0	0.00%	1,241,320
ACB	23,000	200	0.88%	1,163,109

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	185,616	19,034	2,048	0.7%	16.2%	22.54	2.42	1,138,389	46,900	38.76%
2	CTD	3,914	107,248	10,375	11.2%	22.5%	4.94	0.48	151,864	52,800	-66.94%
3	CTG	77,819	19,960	1,643	0.7%	11.9%	12.72	1.05	3,390,244	21,500	8.29%
4	BVH	50,923	26,499	1,742	1.3%	8.4%	39.38	2.59	192,154	69,000	-21.86%
5	DPM	5,068	19,936	748	5.9%	7.8%	17.32	0.65	392,855	12,950	-38.77%
6	EIB	21,884	12,851	517	0.9%	8.6%	34.42	1.39	2,420,695	17,700	26.69%
7	FPT	39,544	20,021	4,676	11.7%	23.0%	12.47	2.91	1,905,769	58,600	58.06%
8	GAS	179,337	23,795	6,351	17.5%	25.7%	14.75	3.94	300,368	94,600	12.90%
9	GMD	6,918	21,069	2,038	17.6%	27.3%	11.43	1.11	872,678	23,200	-5.63%
10	HDB	27,027	18,471	3,327	1.4%	18.6%	8.28	1.49	1,656,635	27,800	-9.08%
11	HPG	64,885	16,612	2,664	16.4%	26.8%	8.82	1.41	6,117,802	24,000	-1.29%
12	MBB	48,374	15,601	3,192	1.4%	14.9%	6.52	1.33	4,561,689	21,200	18.64%
13	MSN	66,045	28,783	4,502	8.9%	26.1%	12.55	1.96	1,098,168	57,000	-27.10%
14	MWG	50,467	25,485	8,334	12.2%	41.3%	13.68	4.47	864,732	117,000	33.29%
15	NVL	57,688	21,423	3,174	3.7%	13.6%	18.74	2.78	1,331,010	57,500	-7.32%
16	PNJ	19,366	18,530	4,827	18.8%	28.3%	17.82	4.64	632,368	87,400	24.56%
17	REE	11,255	32,083	5,613	11.6%	19.1%	6.47	1.13	921,883	36,950	24.14%
18	ROS	9,819	10,466	299	7.6%	14.0%	57.92	1.65	23,666,398	16,100	-55.30%
19	SAB	146,212	27,882	7,654	22.0%	30.1%	29.79	8.18	114,144	224,000	-14.28%
20	SBT	11,255	11,604	516	3.0%	8.0%	35.86	1.59	2,554,978	18,600	-3.47%
21	SSI	9,170	19,009	1,713	6.6%	14.4%	10.54	0.95	1,626,784	18,400	-29.25%
22	STB	18,127	14,543	1,543	0.4%	6.3%	6.52	0.69	3,257,716	10,200	-15.90%
23	TCB	82,428	16,792	2,659	3.1%	25.6%	8.86	1.40	3,907,521	23,800	-8.90%
24	VCB	334,541	21,924	5,269	1.2%	20.3%	17.12	4.11	827,797	90,800	70.09%
25	VHM	278,951	16,325	5,372	0.0%	0.0%	15.79	5.19	1,975,589	84,900	16.92%
26	VIC	387,386	22,834	1,361	1.6%	5.8%	84.47	5.04	807,361	115,000	20.67%
27	VJC	76,585	28,342	9,666	15.1%	45.4%	15.13	5.16	805,891	148,000	22.90%
28	VNM	202,871	15,654	6,132	28.5%	38.9%	19.00	7.44	1,263,222	117,900	0.73%
29	VPB	48,755	16,610	3,409	2.6%	24.1%	5.87	1.20	4,016,015	20,550	0.25%
30	VRE	77,259	12,318	1,170	5.6%	7.9%	29.06	2.76	3,635,930	34,350	25.46%

(Nguồn: Finpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhdn@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: www.vn-cs.com